

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
Dung môi DMF (dimethylformamide)

Phiếu an toàn hóa chất, Tên phân loại, tên sản phẩm

Số UN : UN3267

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

HMIS

Sức khỏe	*	3
Khả năng cháy		0
Nguy hiểm thể chất		0

Số đăng ký

Danh mục hóa chất Việt Nam : Hỗn hợp.

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống) : DMF (dimethylformamide)

ng Hợp Tác Toàn Cầu Về

Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Mã sản phẩm : 112717

Các cách khác để xác định lại lịch : Không có sẵn.

Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Gia công chất lỏng kim loại

Khu vực áp dụng : Ứng dụng công nghiệp.

Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này : hoavietchemgroup@gmail.com

Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : 0898.517.996

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp
Các cách khác để xác định : Không có sẵn.
lai lịch

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
Các carboxylic acid, di-, C6-12, hợp chất với ethanolamine (1:2)	68937-73-5	C ₂ H ₇ NO.	≤8.5
6,6',6''-(1,3,5-triazine-2,4,6-triyltriimino)trihexanoic acid, hợp chất với 2,2',2''-nitrilotriethanol (1:3)	80584-92-5	Unspecified C ₂₁ H ₃₆ N ₆ O ₆ .	≤10
glycerol	56-81-5	3C ₆ H ₁₅ NO ₃	≤5
etanolamin	141-43-5	C ₃ -H ₈ -O ₃	≤2.4
natri 1H-benzotriazolit	15217-42-2	C ₂ -H ₇ -N-O	<2.5
đinatri molybdat	7631-95-0	C ₆ H ₅ N ₃ .Na	≤1.5
		Mo-O ₄ .2Na	

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : H314 ĂN MÒN DA - Loại 1C
H318 TỖN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG - Loại 1
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ -
H373 TIẾP
XÚC LẬP LẠI (thận, gan) - Loại 2

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua miệng chưa biết: 20%

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua da chưa biết: 26.4%

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua hít thở chưa biết: 32.7%

Tỷ lệ phần trăm (các) hợp phần các chất nguy hại cho môi trường nước trong hỗn hợp: 29.3%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo

: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

: H314 - Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.

H373 - Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (thận, gan)

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn

: P280 - Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Mang quần áo bảo hộ

P260 - Không hít thở hơi.

P264 - Rửa tay kỹ lưỡng sau khi xử lý.

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phản ứng	: P314 - Hãy tìm chăm sóc y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe. P304 + P340 + P310 - NẾU HÍT PHẢI : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Ngay lập tức gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc. + P310 + P330 + P331 - NẾU NUỐT PHẢI : Ngay lập tức gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc. Súc miệng. KHÔNG cố tạo cho nôn mửa. P303 + P361 + P353 + P363 + P310 - NẾU BỊ ĐÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Súc rửa bằng nước hoặc vòi phun. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi dùng lại. Ngay lập tức gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc. P305 + P351 + P338 + P310 - NẾU BỊ ĐÍNH VÀO MẮT : Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc thầy thuốc.
Lưu trữ	: P405 - Cất giữ khóa kín.
Xử lý	: P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Lộ trình vào	: Tiếp xúc với da. Tiếp xúc với mắt. Hít phải. Tiêu hóa.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	: Gây bỏng đường tiêu hóa.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt	: Nhờ chuyên viên y tế sẵn sóc ngay. Gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Phòng hóa chất phải được bác sĩ điều trị ngay.
Hít phải	: Nhờ chuyên viên y tế sẵn sóc ngay. Gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khó thở, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
Tiếp xúc ngoài da	: Nhờ chuyên viên y tế sẵn sóc ngay. Gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Phòng hóa chất phải được bác sĩ điều trị ngay. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
Nuốt phải	: Nhờ chuyên viên y tế sẵn sóc ngay. Gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phòng hóa chất phải được bác sĩ điều trị ngay. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da : Gây phỏng nghiêm trọng.
Nuốt phải : Gây ăn mòn đường tiêu hoá. Gây phỏng.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
bị đỏ
có thể bị phỏng rộp da
- Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau dạ dày

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn . Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Dùng dùng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phá t sinh từ hóa chất : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

- Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxít nito
ôxít kim loại

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Không hít thở hơi hoặc sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
- Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô tro và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị vây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rời cho vào bình chứa để xử lý theo đúng quy định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Đùng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không hít thở hơi hoặc sương. Đùng nuốt. Nếu trong lúc sử dụng bình thường mà vật liệu có biểu hiện nguy hiểm đến hệ hô hấp thì chỉ nên dùng khi có đủ sự thoáng khí hoặc mang dụng cụ hô hấp thích hợp. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đùng sử dụng lại bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đùng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
etanolamin	Bộ Y tế (Việt Nam, 10/2002). TWA: 8 mg/m ³ 8 giờ. STEL: 15 mg/m ³ 15 phút.
dinatri molybdat	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2017). TWA: 0.5 mg/m ³ , (as Mo) 8 giờ. Biểu mẫu: Phần nhỏ có thể hô hấp phải

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Nếu khi sử dụng có phát ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương, hãy dùng những vật dụng che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân đối với chất độc trong không khí ở dưới bất kỳ mức giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: Kính bảo hộ và/hoặc kính che mặt chống văng bắn hóa chất. Nếu có hiểm họa hít phải, có thể phải sử dụng mặt nạ phòng độc che toàn mặt để thay thế.

Bảo vệ da

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ tay	: Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
Bảo vệ thân thể	: Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
Biện pháp bảo vệ da	: Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
Bảo vệ hô hấp	: Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng. [Trong suốt.]
Màu sắc	: Màu vàng/Hồ phách.
Mùi	: Không có sẵn.
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.
pH	: 10.66
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.
Điểm sôi	: Không có sẵn.
Điểm bùng cháy	: Không có sẵn.
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có sẵn.
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	: Không áp dụng.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	: Không có sẵn.
Áp suất hóa hơi	: Không có sẵn.
Tỷ trọng hơi	: Không có sẵn.
Mật độ tương đối	: 1.122
Mật độ	: Không có sẵn.
Tính hòa tan	: Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh.
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không có sẵn.
Nhiệt độ tự cháy	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
Tính dẻo	: Không có sẵn.
Thời gian chảy (ISO 2431)	: Không có sẵn.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra. Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Không có thông tin cụ thể gì.
Các vật liệu không tương thích	: Không có thông tin cụ thể gì.
Sản phẩm phân rã có môi nguy	: Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Thông tin về các tác dụng độc****Độc tính cấp tính**

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
6,6',6''-(1,3,5-triazine-2,4,6-triyltriimino)trihexanoic acid, hợp chất với 2,2',2''-nitrilotriethanol (1:3)	LD50 Ngoài da	Chuột - Nam, Nữ	>2000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột - Nam, Nữ	>5000 mg/kg	-
glycerol etanolamin	LD50 Đường miệng	Chuột	12600 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Thỏ	1025 mg/kg	-
natri 1H-benzotriazolit dinatri molybdat	LD50 Đường miệng	Chuột	1720 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	600 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	4 g/kg	-

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
glycerol	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams	-
etanolamin	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams	-
	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	250 Micrograms	-
	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	505 milligrams	-

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Viet Nam

DMF-8

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tính đột biến

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
Các carboxylic acid, di-, C6-12, hợp chất với ethanolamine (1:2)	Loại 3	Không áp dụng.	Kích ứng đường hô hấp
etanolamin	Loại 3	Không áp dụng.	Kích ứng đường hô hấp
đinatri molybdat	Loại 3	Không áp dụng.	Kích ứng đường hô hấp

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
etanolamin	Loại 2	Không xác định	thận và gan

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da : Gây phỏng nghiêm trọng.

Nuốt phải : Gây ăn mòn đường tiêu hoá. Gây phỏng.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau
chảy nước mắt
bị đỏ

Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu

Nuốt phải

bị đồ
có thể bị phỏng rộp da
: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau dạ dày

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Viet Nam



XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Phơi nhiễm ngắn hạn**

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát : Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần.

Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính gây quái thai : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc**Các giá trị ước tính độ độc cấp tính**

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
Đường miệng	16307.1 mg/kg
Ngoài da	15211.2 mg/kg
Hít vào (các chất hơi)	314.2 mg/l

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc Tính**

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
etanolamin	Cấp tính EC50 8.42 mg/l Nước ngọt	Tảo - Desmodesmus subspicatus	72 giờ
	Cấp tính LC50 >100000 µg/l Nước biển	Loài tôm cua - Crangon crangon - Trùng thành	48 giờ
dinatri molybdat	Cấp tính LC50 170 mg/l Nước ngọt	Cá - Carassius auratus	96 giờ
	Cấp tính EC50 >218 mg/l	Tảo	72 giờ
	Cấp tính EC50 130.9 mg/l	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 609.1 mg/l	Cá	96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêu chuẩn
glycerol	301D Ready Biodegradability	93 % - 30 ngày	-	-
etanolamin	Closed Bottle Test 301B Ready Biodegradability CO ₂ Evolution Test	92 % - 28 ngày	-	-

Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới Quang phân nước	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa
6,6',6''-(1,3,5-triazine-2,4,6-triyltriimino)trihexanoic acid, hợp chất với 2,2',2''-nitrilotriethanol (1:3)	-	Dễ dàng
etanolamin	-	Dễ dàng

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogPow	BCF	Tiềm năng
6,6',6''-(1,3,5-triazine-2,4,6-triyltriimino)trihexanoic acid, hợp chất với 2,2',2''-nitrilotriethanol (1:3)	0.8 đến -2.3	-	thấp
glycerol	-1.76	-	thấp
etanolamin	-1.31	-	thấp

Khả năng phân tán qua đất




Hệ số phân cách đất/nước (KOC) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN3267	UN3267	UN3267
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S. (etanolamin, natri 1H-benzotriazolit)	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S. (Ethanolamine, Sodium Benzotriazole)	Corrosive liquid, basic, organic, n.o.s. (Ethanolamine, Sodium Benzotriazole)
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	8 	8 	8 
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mối nguy cho môi trường	Không.	No.	No.

Thông tin bổ sung

UN

: **Điều khoản đặc biệt** 223, 274

IMDG

: **Emergency schedules** F-A, S-B**Special provisions** 223, 274

IATA

: **Quantity limitation** Passenger and Cargo Aircraft: 5 L. Packaging instructions: 852.

Cargo Aircraft Only: 60 L. Packaging instructions: 856. Limited Quantities -

Passenger Aircraft: 1 L. Packaging instructions: Y841.

Special provisions A3, A803**Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng**: **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.**Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC)**

: Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**Phân loại chất độc (TCVN 3164-79)** : 4**Danh mục hóa chất Việt Nam** : Không xác định.**Quy định quốc tế****Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III**

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền**

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)**

Sức khỏe	*	3
Khả năng cháy		0
Nguy hiểm thể chất		0

Thận trọng: Phân loại HMIS® dựa trên thang phân loại 0-4, trong đó 0 đại diện cho các mối nguy hiểm hoặc nguy cơ tối thiểu, còn 4 đại diện cho các mối nguy hiểm hoặc rủi ro đáng kể. Phân loại HMIS® phải được sử dụng kết hợp với một chương trình HMIS® được triển khai đầy đủ. HMIS® là thương hiệu đã được đăng ký và dấu hiệu dịch vụ của Hiệp hội Phun phủ Hoa Kỳ (American Coatings Association, Inc.).

Khách hàng chịu trách nhiệm xác định qui tắc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho vật liệu này. Để biết thêm thông tin về các qui tắc sử dụng Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE) của HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay Thao tác HMIS®.

Lịch sửNgày tháng biên soạn: **02/01/2023****Phiên bản** : 1**Bảng từ viết tắt**

- : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
- : BCF = Hệ số nồng độ sinh học
- : GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
- : IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
- : IBC = Côngtenơ khổ trung
- : IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
- : LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
- : MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
- : UN = Liên hợp quốc

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.

